

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 3096/2024/DS-ST

Ngày: 15/7/2024

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Tiến Dũng
- Bà Phan Thị Mai Hương

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên
tòa:** Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1239/2023/TLST-DS ngày 03/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố H sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3421/2024/QĐXXST-DS ngày 27/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 4441/2024/QĐST-DS ngày 21/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ngọc H, sinh năm: 1994

Địa chỉ: số nhà 127 đường AB, khu phố BD 2, phường AB, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Hồ Lê N, sinh năm: 1997

Địa chỉ: số nhà 02 Đường X, Khu phố Y, phường LC, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đoàn Phạm Thanh A, sinh năm: 1997

Địa chỉ: số nhà 510/3 đường NTP, khu phố BD 1, phường AB, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Ông H, bà A có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2023, đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 17/5/2024 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc H:

Ông H là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại phường AB, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ngày 19/5/2022 ông Hồ Lê N có mang xe gắn máy hiệu SH Mode, biển số 24AS-352.19 và giấy chứng nhận đăng ký xe do bà Đoàn Phạm Thanh A (vợ ông N) đứng tên chủ sở hữu đến tiệm ông H đề nghị được cầm cố. Do ông N là khách quen đã nhiều lần cầm xe máy này cho tiệm, các lần trước đến cầm xe bà A có đi cùng ông N, nên ông H đồng ý nhận cầm cố chiếc xe với số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 01 tháng 15 ngày tính từ ngày 19/5/2022, lãi suất 3%/tháng. Phương thức A toán: trả gốc, lãi một lần khi đến hạn. Sau khi thỏa thuận xong, ông N đưa thêm cho ông H 20.000.000 đồng tiền mặt nhờ chuyển dùm vào H khoản của ông N để lo công việc. Vì vậy, ông H đã chuyển 100.000.000 đồng vào số H khoản 956789777777 của ông Hồ Lê N tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, trong đó 80.000.000 đồng tiền cầm xe và 20.000.000 đồng là khoản tiền mặt ông N đưa nhờ chuyển dùm. Sau khi nhận được tiền, ông N đã giao xe và giấy tờ cho ông H giữ. Đến hết thời hạn cầm đồ, ông H nhiều lần liên hệ ông N đến A lý hợp đồng nhưng không liên lạc được. Ông H thông báo cho bà A đến tiệm cầm đồ trả tiền và nhận xe về thì bà A lại trình báo sự việc cho công an. Sau khi kiểm tra cơ sở kinh doanh của ông H, Công an phường AB đã lập biên bản vi phạm hành chính do tiệm của ông nhận cầm xe không chính chủ, tại đây ông H nghe bà A thông báo rằng bà A và ông N đã ly hôn. Vì vậy, ông H đã bàn giao xe gắn máy hiệu SH Mode, biển số 24AS-352.19 và bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe cho công an để làm thủ tục giao trả cho bà A.

Đến nay, ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng cầm cố H sản ngày 19/5/2022 giữa ông và ông Hồ Lê N vô hiệu, yêu cầu ông N hoàn trả lại cho ông 80.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Khi nhận cầm xe, ông H có viết biên nhận cầm đồ giao cho ông N và lưu liên còn lại trong cuốn giấy biên nhận để ở tiệm, tuy nhiên do cơ sở kinh doanh dời sang mặt bằng mới nên ông đã làm thất lạc biên nhận cầm đồ.

Bị đơn ông Hồ Lê N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt.

Tại các bản tự khai ngày 27/11/2023 và ngày 17/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Phạm A trình bày:

Trước đây bà và ông Hồ Lê N là vợ chồng, đến tháng 7/2022 ông bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 2808/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức. Thời gian chung sống, do ông N không có phương tiện đi lại nên bà đồng ý cho ông N sử dụng xe gắn máy hiệu SH Mode, biển số 24AS-

352.19do bà đứng tên chủ sở hữu để tiện việc đi làm hàng ngày. Bà xác định đây là H sản riêng của bà, bà chỉ cho ông N sử dụng làm phương tiện đi lại chứ chưa bao giờ đồng ý cho ông N mang đi cầm cố. Năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông N tự ý mang xe gắn máy của bà bỏ nhà đi, cắt đứt mọi liên lạc, sau đó bà chỉ gặp ông N tại Tòa án để giải quyết ly hôn. Khi được Công an phường AB, thành phố D mời đến làm việc thì bà mới biết xe gắn máy của mình đã bị ông N mang đi cầm cố cho ông H. Bà không biết ông H là ai và cũng không tham gia vào giao dịch giữa ông N và ông H, không được ông N và ông H thông báo về việc cầm cố xe gắn máy và cũng không nhận được bất cứ khoản tiền nào từ việc cầm cố chiếc xe. Đến nay, bà xác nhận đã nhận lại xe gắn máy hiệu SH Mode, biển số 24AS-352.19và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe nên bà không có ý kiến và yêu cầu gì liên quan đến tranh chấp giữa ông H và ông N.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Văn Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Phạm A A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Hồ Lê N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng cầm cố H sản được xác lập vào ngày 19/5/2022 giữa ông Nguyễn Văn Ngọc H và ông Hồ Lê N vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật khi giao kết hợp đồng được quy định tại Điều 309, điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, 123 Bộ luật dân sự năm 2015. Về hậu quả của hợp đồng dân sự vô hiệu, buộc ông Hồ Lê N hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ngọc H 80.000.000 đồng. Xe gắn máy hiệu SH Mode, biển số 24AS-352.19và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe đã được giao trả cho chủ sở hữu là bà Đoàn Phạm A A nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn Ngọc H, bà Đoàn Phạm Thanh A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Hồ Lê N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Về hợp đồng cầm cố tài sản: Ông Nguyễn Văn Ngọc H khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch cầm đồ được giao kết giữa ông và ông Hồ Lê N vô hiệu do tài sản cầm cố không thuộc quyền sở hữu của ông N. Nguyên đơn không cung cấp được biên nhận cầm đồ do thất lạc. Phía bị đơn ông Hồ Lê N vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ về giao dịch cầm cố tài sản giữa bị đơn và ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ để xem xét việc giữa ông Nguyễn Văn Ngọc H và Hồ Lê N có phát sinh quan hệ cầm cố tài sản hay không.

Xét, tại Sổ chi tiết tài khoản của ông Nguyễn Văn Ngọc H, Báo cáo giao dịch chuyển tiền qua Napas được Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Quận 2 xác nhận thể hiện ngày 19/5/2022 từ tài khoản số 002728888 của Nguyễn Văn Ngọc H mở tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Quận 2 có chuyển số tiền 100.000.000 đồng đến số tài khoản 9567897777777777 mang tên Hồ Lê N mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội. Tại nội dung chuyển khoản có ghi “văn H chuyển khoản xe cầm”. Tại công văn số 310/MB-NA ngày 10/7/2024 của Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Nghệ An xác nhận: “Số tài khoản 9567897777777777 có thông tin chủ tài khoản là Hồ Lê N, sinh ngày: 23/11/1997...Ngày 19/5/2022 số tài khoản 9567897777777777 nhận được số tiền 100.000.000 đồng từ số tài khoản 002728888”. Như vậy, có cơ sở xác định ông H đã chuyển tiền và ông N đã nhận được số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 19/5/2022.

Ông H có lời khai về sự việc bị Công an phường AB kiểm tra cơ sở kinh doanh và đề nghị ông phải giao xe để làm thủ tục hoàn trả cho bà A. Bà A có lời khai xác nhận sự việc được Công an phường AB mời làm việc và giao trả chiếc xe máy hiệu SH Mode, biển số 24AS-352.19 và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà A. Tại văn bản số 722/Đ.ĐTTH ngày 26/4/2023 của Công an thành phố D cũng có ghi nhận sự việc này. Như vậy, có cơ sở xác định ông H đã giữ xe SH mode trong khoảng thời gian cho ông N vay tiền để đảm bảo ông N thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy lời khai của ông H phù hợp với nội dung chuyển khoản và sự việc xảy ra trên thực tế nên có cơ sở xác định giữa ông H và ông N có thỏa thuận

giao kết việc cầm cố tài sản để vay tiền dưới hình thức hợp đồng cầm đồ, có thỏa thuận về thời hạn và lãi suất, tài sản cầm cố là xe máy hiệu SH Mode, biển số 61D1-459.59.

[2.1.2] Về hiệu lực của hợp đồng cầm cố:

Xét, tài sản cầm cố là xe máy hiệu SH Mode, biển số 61D1-459.59. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 025425 do Trưởng Công an thị xã D cấp ngày 21/10/2016 thể hiện tên chủ xe là bà Đoàn Phạm Thanh A. Xe máy được đăng ký ngày 21/10/2016. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2021 do Ủy ban nhân dân phường LC cấp thể hiện bà A và ông N kết hôn ngày 23/11/2021. Như vậy có cơ sở xác định xe máy hiệu SH Mode, biển số 24AS-352.19 là tài sản riêng của bà A có trước thời kỳ hôn nhân với ông N.

Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 2808/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, bà A và ông N ly hôn vào ngày 26/7/2022. Thời điểm ông H xác lập giao dịch cầm cố với ông N là ngày 19/5/2022. Xét thấy, giao dịch cầm cố được xác lập trong thời điểm hôn nhân giữa bà A và ông N còn tồn tại nhưng bà A không có sự ủy quyền cho ông N sử dụng tài sản riêng của bà để cầm cố và ông H không chứng minh được bà A cùng sử dụng số tiền có được do ông N cầm cố xe máy nêu trên.

Do đó, việc ông N giao tài sản không thuộc sở hữu của mình (và cũng không được chủ sở hữu tài sản ủy quyền hợp pháp) cho bên nhận cầm cố để vay tiền, đã vi phạm quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 24 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP điều kiện kinh doanh an ninh trật tự đối với dịch vụ cầm đồ. Căn cứ các Điều 117, 122, 123 Bộ luật dân sự năm 2015, giao dịch cầm cố tài

sản giữa ông N và ông H vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật.

Thời điểm nhận cầm cố, ông N không giao cho ông H văn bản ủy quyền của bà A về việc đồng ý cho cầm xe. Ông H đã được xem Giấy chứng nhận đăng ký xe và biết rõ bà A là chủ sở hữu xe nhưng vẫn đồng ý nhận cầm cố, đã vi phạm quy định về trách nhiệm của cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ nên không được xem là người thứ 3 ngay tình theo khoản 2 Điều 26 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.1.3] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Do giao dịch cầm cố tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nhận. Căn cứ Sổ phụ chi tiết tài khoản Hồ Lê N trong khoảng thời gian từ 01/5/2022 đến 31/5/2022 do Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Nghệ An cung cấp thể hiện ngày 19/5/2022, tài khoản báo có số tiền 100.000.000 đồng do nhận từ tài khoản 002728888 của ông Nguyễn Văn Ngọc H. Tuy nhiên, nguyên đơn trình bày trong 100.000.000 đồng này chỉ có 80.000.000 đồng là tiền cầm xe, 20.000.000 đồng còn lại là tiền

bị đơn đưa nhờ chuyển dùm vào tài khoản. Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 80.000.000 đồng gốc là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về xe máy hiệu SH Mode, biển số 24AS-352.19 và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 025425 cấp ngày 21/10/2016, bà Đoàn Phạm Thanh A xác nhận đã được nhận lại tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì vậy, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 131; Điều 309, khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 24; khoản 2 Điều 26; Điều 27; Điều 43; Điều 44; Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ngọc H về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” đối với ông Hồ Lê N;

Tuyên bố hợp đồng cầm cố tài sản ngày 19/5/2022 giữa ông Nguyễn Văn Ngọc H và ông Hồ Lê N vô hiệu.

Ông Hồ Lê N có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn Ngọc H số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Lê N phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn Ngọc H được nhận lại 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0004984 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh